

ĐỀ ÁN

**đổi mới, nâng cao chất lượng toàn diện giáo dục - khoa học công nghệ
huyện Bảo Thắng, giai đoạn 2020 -2025**

- Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

- Căn cứ Chương trình hành động số 103-CTr/TU, ngày 06/02/2013 của Tỉnh ủy Lào Cai về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

- Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH, ngày 16 /6/2020 của Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Thắng lần thứ XXVIII, nhiệm kỳ 2020-2025;

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xây dựng Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng toàn diện giáo dục - khoa học công nghệ huyện Bảo Thắng, giai đoạn 2020 -2025 như sau:

Phần thứ nhất

**THỰC TRẠNG GIÁO DỤC - KHOA HỌC CÔNG NGHỆ,
GIAI ĐOẠN 2015-2020**

I. KẾT QUẢ NỔI BẬT

1. Lĩnh vực giáo dục

1.1. Công tác chỉ đạo, quản lý giáo dục có nhiều đổi mới, đồng bộ, sâu sát, cụ thể và hướng về cơ sở. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên được củng cố, kiện toàn, đồng bộ về số lượng và cơ cấu bộ môn. Nhiều thầy cô đạt giải cao trong các hội thi, giáo viên giỏi các cấp. Duy trì 100% trường học có chỉ bộ độc lập với 53% CBQL, GV, NV là đảng viên (vượt 3,5% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XXVII đề ra).

1.2. Trong 4 năm qua, huyện Bảo Thắng đã xóa xong 21 điểm trường lẻ, đưa 1893 học sinh lớp 4, 5 về học ở trung tâm; sáp nhập 7 cấp trường; so với đầu nhiệm kì giảm 7 trường, tăng 3.048 học sinh.

1.3. Chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học được kiểm soát chặt chẽ, đánh giá đúng phẩm chất, năng lực học sinh; số lượng, chất lượng giải học sinh giỏi được duy trì bền vững qua các năm, thể hiện rõ nhất trong kì thi học sinh giỏi lớp 9, luôn đứng thứ hạng cao thuộc top đầu của tỉnh.

1.4. Các hoạt động đổi mới giáo dục được chỉ đạo triển khai đồng bộ, bước đầu đạt kết quả tốt ở một số nội dung như: thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật, ứng dụng STEM trong dạy học, xây dựng mô hình trường học gắn với thực tiễn.

1.5. Công tác quản lý, chăm sóc học sinh bán trú; mô hình "bán trú tự quản", hoạt động "một ngày bán trú" được triển khai thực hiện có nền nếp. Tăng 02 trường ở vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn đạt chuẩn quốc gia (TH số 1 Thái Niên, PTDTBT THCS xã Phong Niên).

1.6. Xây mới được 16 trường chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường học đạt chuẩn trong toàn huyện lên 52/73 trường (71,23%), vượt mục tiêu đề ra 1,23%.

2. Lĩnh vực khoa học - công nghệ

2.1. Phát triển khu vực sản xuất rau, hoa ứng dụng công nghệ cao; từng bước hình thành vùng cây trồng hàng hóa; chăn nuôi lợn, lợn nái ngoại sinh sản ứng dụng cao.

2.2. Đổi mới một số công nghệ tiên tiến nâng cao chất lượng và giá trị của sản phẩm, nhất là sản phẩm xuất khẩu, góp phần tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp, bình quân 24,3%/năm.

2.3. Hoàn thiện xây dựng Cổng thông tin điện tử của huyện. Triển khai hệ thống một cửa liên thông tại các xã, thị trấn và một cửa liên thông hiện đại tại trung tâm huyện, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc nhằm đẩy nhanh tiến độ giải quyết các dịch vụ hành chính công đáp ứng nhu cầu của Nhân dân.

2.4. Đẩy mạnh đăng ký bảo hộ các nhãn hiệu, thương hiệu cho các sản phẩm. Thực hiện việc đầu tư trang thiết bị hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc gia (VILAS) cho lĩnh vực kiểm định và kiểm nghiệm, nhằm kiểm định và kiểm nghiệm được các hàng hóa xuất, nhập khẩu và lưu thông trên địa bàn huyện.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Lĩnh vực giáo dục

1.1. Tình trạng thiếu phòng học, phòng chức năng tồn tại từ nhiều năm qua, đến nay vẫn chưa được khắc phục, kể cả các trường đã đạt chuẩn quốc gia.

Nguyên nhân chủ yếu do kinh phí đầu tư cho giáo dục mặc dù đã được ưu tiên nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu. Bảo Thắng là huyện vùng thấp của tỉnh Lào Cai nên ít được hưởng lợi đầu tư của các chương trình, dự án.

1.2. Chưa hoàn thiện xây dựng được cụm trường trọng điểm về chất lượng giáo dục trên địa bàn thị trấn Phố Lu, nguyên nhân chủ yếu là khó khăn trong việc xây dựng và thực hiện cơ chế của trường đặc thù, cơ sở vật chất trường lớp học chưa đáp ứng được yêu cầu.

1.3. Còn thiếu giáo viên: mầm non, tiếng Anh, Tin học, Mỹ thuật, Âm nhạc và nhân viên trường học so với định mức nhưng không được giao chỉ tiêu biên chế, không có chủ trương tuyển dụng và cũng không được hợp đồng.

1.4. Tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần của một số trường vùng khó khăn chưa cao. Tỷ lệ tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT và GDTX hằng năm tuy có tăng song vẫn chưa đạt chỉ tiêu tỉnh giao.

Nguyên nhân: Ở các thôn, bản vùng cao, vùng sâu, hộ nghèo còn chiếm tỷ lệ lớn nên thường có tâm lý cho con em mình nghỉ học đi lao động phổ thông.

Một số gia đình có cha mẹ đi làm ăn xa, mang theo con em di cư khỏi địa phương và nạn tảo hôn làm ảnh hưởng đến công tác duy trì số lượng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục.

1.5. Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ thấp, chưa đảm bảo theo kế hoạch đề ra. Nguyên nhân do thiếu phòng học, thiếu giáo viên; nhiều nhóm trẻ phải học tại các phòng chức năng, phòng công vụ diện tích chật hẹp.

2. Lĩnh vực khoa học - công nghệ

2.1. Đầu tư cho khoa học và công nghệ trong những năm qua còn thấp, kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ chủ yếu được trích từ ngân sách nhà nước, chưa huy động được các nguồn đầu tư khác, kể cả từ các doanh nghiệp; nội dung khoa học và công nghệ được đưa vào các dự án phát triển kinh tế - xã hội chỉ ở mức độ ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật.

Nguyên nhân: Nhận thức của một bộ phận Nhân dân còn hạn chế, còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào nhà nước, tập quán canh tác lạc hậu dẫn đến việc triển khai, ứng dụng khoa học vào công nghệ còn gặp khó khăn; nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ còn hạn hẹp, việc đầu tư xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu của sản phẩm hàng hóa chưa được người dân và doanh nghiệp quan tâm.

2.2. Do còn thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học và công nghệ với sản xuất kinh doanh nên một số kết quả nghiên cứu có khả năng ứng dụng chưa cao, một số mô hình tiên tiến chưa được đầu tư nhân rộng.

Nguyên nhân: Chính sách thu hút cán bộ khoa học công nghệ cao vào làm việc trong các cơ quan lý nhà nước tại huyện chưa thực sự hấp dẫn. Việc thực hiện các chương trình, dự án, đề tài, mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ ở huyện chủ yếu do Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh cấp kinh phí nên huyện khó chủ động trong việc thực hiện triển khai các đề tài, dự án.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2020-2025

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Thực hiện "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục..." theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 51-KL/TW, Chương trình hành động số 153-CT/TU của Tỉnh ủy, Chương trình số 47-CTr/HU của huyện ủy là thời cơ, là động lực để phát triển sự nghiệp giáo dục.

- Sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng là bối cảnh thuận lợi để Giáo dục Lào Cai nói chung, trong đó có giáo dục Bảo Thắng phát triển.

- Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ được tăng cường. Lĩnh vực khoa học và công nghệ đã được triển khai, áp dụng đồng bộ, rộng rãi trên tất cả các ngành kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh trật tự an toàn xã hội. Các phát minh mới về khoa học công nghệ ngày càng nhiều và có tính ứng dụng cao nên việc áp dụng được thuận lợi, rộng rãi.

2. Khó khăn, thách thức

- Huyện Bảo Thắng còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất trường lớp, trong khi đó nguồn ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, nguồn lực xã hội hóa chưa đáp ứng được yêu cầu. Ở các thôn, bản vùng cao, vùng sâu, hộ nghèo còn chiếm tỉ lệ lớn nên thường có tâm lí cho con em mình nghỉ học đi lao động phổ thông.

- Phong trào ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật chưa được đẩy mạnh và hưởng ứng của đông đảo quần chúng. Đầu tư cho khoa học và công nghệ còn thấp và dàn trải nên kết quả ít có tác dụng nổi bật.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển bền vững giáo dục và đào tạo; xây dựng sự nghiệp giáo dục có chất lượng tốt, công bằng, toàn diện, tạo cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người; chủ động, tích cực hội nhập trong giáo dục; tiếp tục khẳng định chất lượng giáo dục toàn diện của huyện nằm trong tốp đầu của tỉnh Lào Cai.

- Đẩy mạnh ứng dụng Khoa học và Công nghệ vào sản xuất và đời sống; Tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông, lâm, thủy sản, công nghệ sinh học.

2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Duy trì, xây dựng 85% trường chuẩn quốc gia (theo tiêu chí hiện tại), phấn đấu xây dựng 03 trường trọng điểm chất lượng cấp huyện, thực hiện tốt việc phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu.

1.2.2. Duy trì, nâng cao kết quả Phổ cập giáo dục ở 14/14 xã, thị trấn; 82% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục phổ thông và tương đương; tỉ lệ tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT và tương đương đạt 90%.

1.2.3. Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất trường học, đảm bảo xóa hết các phòng học tạm, phòng học nhờ để thực hiện Đề án quy hoạch mạng lưới trường lớp, tăng tỉ lệ trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 31%; xây dựng một số trường có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại.

1.2.4. Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục, 100% CBQL, GV phổ thông được bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; đẩy mạnh các hoạt động đổi mới giáo dục, tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo.

1.2.5. Tham mưu đẩy mạnh ứng dụng Khoa học và Công nghệ vào sản xuất và đời sống như: Công nghệ thông tin trong cải cách thủ tục hành chính phấn đấu đến năm 2025 đạt 80% các thủ tục hành chính sử dụng Dịch vụ công trực tuyến; 70% ngành thương mại - dịch vụ có ứng dụng công nghệ thông tin trong giao dịch thương mại - dịch vụ; 45% ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông, lâm nghiệp và năng lượng. Khuyến khích cơ giới hóa nông nghiệp, đặc biệt trong việc sản xuất các loại máy nông nghiệp, máy phụ trợ, xem đây là khâu đột phá để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.2.6. Triển khai thực hiện các cơ chế chính sách về Khoa học và Công nghệ nhằm thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo nhất là trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển nông nghiệp ứng dụng

công nghệ cao, phần đầu 85% các mô hình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được ứng dụng rộng rãi vào sản xuất.

III. NHIỆM VỤ

1. Huy động nguồn lực tăng cường cơ sở vật chất trường lớp học; hoàn chỉnh quy hoạch mạng lưới trường lớp, xây dựng quy mô giáo dục hợp lí.

- Đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: 95% trường MN, TH, THCS, 100% THPT có đủ phòng học kiên cố và bán kiên cố; 100% trường TH, THCS, THPT có đủ phòng học bộ môn; 100% các trường đủ thiết bị dạy học tối thiểu; các trường, điểm trường MN có đủ đồ dùng, đồ chơi ngoài trời; 100% trường phổ thông có đủ thiết bị dạy tin học, ngoại ngữ từ lớp 3 trở lên.

- Đầu tư xây dựng nhà ở bán trú cho học sinh để đưa 100% số học sinh lớp 3, 4, 5 còn lại ở điểm trường lẻ về học ở trung tâm; sáp nhập 02 cấp trường: TH số 5 Gia Phú vào TH số 1 Gia Phú; TH số 3 thị trấn Phố Lu vào THCS số 2 thị trấn Phố Lu để giảm từ 74 xuống còn 72 cơ sở giáo dục trong toàn huyện.

- Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục để phát triển sự nghiệp giáo dục và xây dựng xã hội học tập.

2. Xây dựng, nâng cao chất lượng các trường học đạt chuẩn quốc gia; xây dựng cụm trường trọng điểm chất lượng

- Duy trì 52 trường học đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chuẩn hiện tại, xây dựng mới 9 trường học đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chuẩn mới, nâng tổng số trường chuẩn toàn huyện lên 61/71 trường, đạt 85,9%.

- Xây dựng cụm trường trọng điểm chất lượng cấp huyện trên địa bàn thị trấn Phố Lu gồm 3 trường: MN Bình Minh, TH số 2 và THCS thị trấn Phố Lu.

3. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

- Tham mưu cho tỉnh mở các lớp trung cấp lý luận chính trị, chỉ đạo các xã, thị trấn làm tốt công tác phát triển Đảng viên trong trường học. Duy trì 100% trường học có tổ chức cơ sở đảng; tỉ lệ đảng viên trong toàn ngành giáo dục đạt 65%; CBQL có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên đạt 85%.

- 100% CBQL, GV phổ thông được bồi dưỡng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới, đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản.

4. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

Chủ động, tích cực triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Chỉ thị số 16/CT-TTg; Quyết định số 1677/QĐ-TTg.

5. Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn

- Triển khai và thực hiện Đề án của tỉnh về phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú giai đoạn 2021-2025. Phát triển Trường phổ thông dân tộc trú THCS&THPT huyện Bảo Thắng, xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia.

- Sau khi sáp nhập trường TH số 5 Gia Phú vào trường TH số 1 Gia Phú sẽ xây dựng thành 02 trường Phổ thông dân tộc bán trú (Tiểu học số 1 xã Thái Niên, TH bán trú xã Gia Phú).

6. Củng cố, phát huy kết quả phổ cập giáo dục và xóa mù chữ; giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh phổ thông; xây dựng xã hội học tập.

- Triển khai thực hiện Đề án của tỉnh về Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025.

- Duy trì tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đạt từ 99,9% trở lên, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,9% trở lên, trẻ từ 6-14 tuổi ra lớp đạt 99,8% trở lên; tỉ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 31% trở lên, 90% học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT và tương đương, 82% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục phổ thông và tương đương.

- Tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi, đến năm 2025 có 14/14 xã thị trấn đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3.

7. Đẩy mạnh các hoạt động đổi mới giáo dục, ứng dụng công nghệ thông tin; nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ

- Triển khai thực hiện Đề án của tỉnh về *Ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh giáo dục thông minh, giáo dục STEM, giai đoạn 2020-2025* và Đề án: *Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên giai đoạn 2020-2025*.

- 100% học sinh từ lớp 3 trở lên được học tin học, ngoại ngữ; 100% trường mầm non trẻ được tiếp cận với tin học; trên 90% giáo viên ngoại ngữ được bồi dưỡng đạt chuẩn yêu cầu cấp học; 100% trường học ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, dạy và học.

- Đẩy mạnh việc triển khai chương trình tiếng Anh 10 năm; giáo dục STEM ở các cấp học; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học kỹ thuật trong học sinh phổ thông.

8. Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo.

9. Nâng cao nhận thức của cán bộ công chức cũng như của xã hội về vai trò của đội ngũ trí thức cũng như tầm quan trọng của Khoa học và Công nghệ trong cuộc sống.

10. Phát triển hàng hóa là thế mạnh của huyện theo hướng sản xuất ứng dụng công nghệ cao

- Tiếp tục phát triển thương hiệu Bưởi Múc Bảo Thắng và Quả Bảo Thắng (chanh, na, nhãn, ...) trên thị trường trong và ngoài tỉnh. Triển khai dự án Phát triển vùng cây ăn quả (gồm cây nhãn, na, chanh, bưởi) tại các xã Xuân Quang, Phong Niên, Phong Hải, xã phố Lu, Bản Cầm, Thái niên. Phát triển chăn nuôi lợn theo hướng Vietgap trong nông hộ dân, mô hình canh tác lúa cải tiến SRI,...

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong mô hình nuôi ong mật, chưng cất Mật ong nguyên chất Xã Hồ Bảo Thắng; Lão Tiên trà; Chè xanh Bảo Thắng; Rượu Hồng Mì, ...

11. Ứng dụng Công nghệ sinh học vào đời sống và sản xuất: Nâng cao nhận thức, phát triển tiềm lực, đẩy mạnh nghiên cứu áp dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống để phát triển kinh tế - xã hội huyện Bảo Thắng.

IV. GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện

Huyện ủy, UBND huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVIII, nhiệm kỳ 2020-2025 về lĩnh vực giáo dục, khoa học công nghệ với những giải pháp đồng bộ, được cụ thể hóa trong Nghị quyết, Kế hoạch lãnh đạo nhiệm vụ chính trị hằng năm của Huyện ủy và UBND huyện.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến nhân dân và người lao động của địa phương về mục đích, ý nghĩa của việc triển khai thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XXVIII, nhiệm kỳ 2020-2025, vận động các tổ chức đoàn thể tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục, khoa học công nghệ, từ đó huy động đóng góp nguồn lực để thực hiện mục tiêu đề án.

3. Các giải pháp về chuyên môn nghiệp vụ

3.1. Giải pháp về lĩnh vực giáo dục

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, công khai, thống nhất; nâng cao vai trò tham mưu của ngành giáo dục; tăng quyền tự chủ, trách nhiệm của các cơ sở giáo dục. Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

- Tham mưu ban hành thêm một số cơ chế chính sách đặc thù của tỉnh để điều hành, khuyến khích việc huy động các nguồn lực; chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình giáo dục gắn với triển khai thực hiện quy hoạch mạng trường lớp; thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Tổng kết, đánh giá các mô hình giáo dục, mô hình quản lý giáo dục hiệu quả để nhân rộng.

- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu để tạo nguồn đào tạo nhân lực chất lượng cao.

3.2. Giải pháp về lĩnh vực khoa học - công nghệ

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ sinh học để chọn tạo và nhân giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, thích nghi với từng vùng kinh tế, sinh thái trên địa bàn của huyện. Mặt khác cần phải bảo tồn và khai thác tốt nguồn gen bản địa để giữ vững đặc thù các sản phẩm nông lâm nghiệp, bảo vệ đa dạng tài nguyên giống động vật, thực vật của địa phương.

- Khuyến khích chuyển giao và áp dụng các công nghệ tiên tiến trong chế tạo các phụ tùng thay thế cho các máy móc, trang thiết bị chủ yếu trong các ngành công nghiệp chế biến phục vụ phát triển nông nghiệp.

- Tập trung mọi nguồn lực nhất là nguồn vốn để phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ làm nền tảng vững chắc và động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế- xã hội huyện.

- Phát triển và xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin nhất là ở cấp xã, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giải quyết công việc và phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

- Tiếp tục ưu tiên tuyển dụng, thu hút, giới thiệu nhân lực có trình độ khoa học công nghệ cao vào làm việc tại các cơ quan và các doanh nghiệp.

4. Giải pháp về huy động nguồn lực, tài chính

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách địa phương đã ban hành thời gian qua, tham mưu cho tỉnh xây dựng các cơ chế chính sách đầu tư cho giáo dục (Chính sách hỗ trợ cấp dưỡng cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, Chính sách hỗ trợ giáo viên dạy ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Lào Cai).

- Tranh thủ các nguồn hỗ trợ của tỉnh, các ngành, thông qua chương trình Nông thôn miền núi, chương trình đổi mới công nghệ, chương trình hỗ trợ cho các doanh nghiệp, Công tác khuyến công, các nguồn xã hội hóa.

5. Về kiểm tra, giám sát

Hằng năm, Huyện ủy, UBND huyện thành lập các đoàn để kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của Đề án.

V. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng nhu cầu vốn dự kiến đầu tư cho lĩnh vực giáo dục giai đoạn 2020-2025 là: 676.765 triệu đồng (Sáu trăm bảy mươi sáu tỉ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

2. Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến đầu tư cho lĩnh vực ứng dụng Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2020-2025 là 5.000 triệu đồng (Năm tỉ đồng chẵn).

VI. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

Quy mô, mạng lưới trường, lớp học, thiết bị dạy học bổ sung, hoàn thiện, phát triển hợp lý; đa dạng hóa các hình thức học tập, tạo cơ hội học tập cho mọi người dân. Chuẩn hóa giáo dục vùng cao. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; chất lượng giáo dục toàn diện và hiệu quả giáo dục được nâng cao, từng bước tiếp cận với giáo dục vùng phát triển của đất nước. Cơ sở vật chất trường học được tăng cường và kiên cố hóa, chuẩn hóa.

Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Áp dụng các thành tựu Khoa học công nghệ tiên tiến vào phát triển sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả về năng suất, chất lượng của các sản phẩm trong các ngành kinh tế với các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, có khả năng sản xuất thành hàng hóa và có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường để góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện bền vững.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO ĐỀ ÁN

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án. Phân công đồng chí HUV, Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách lĩnh vực văn hóa- xã hội thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của đề án.

II. TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

1. Ủy ban nhân dân huyện:

- Xây dựng kế hoạch hằng năm để thực hiện đề án, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện đề án theo định kỳ và khi có yêu cầu.

- Đề xuất với UBND tỉnh ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học cho huyện Bảo Thắng; đồng thời cân đối ngân sách đầu tư cho giáo dục để đảm bảo thực hiện tốt Đề án Quy hoạch mạng lưới trường lớp học trên địa bàn huyện, xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường trọng điểm chất lượng.

- Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành đoàn thể và các xã, thị trấn thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của đề án.

2. Hội đồng nhân dân huyện: Đưa việc giám sát việc thực hiện đề án vào chương trình giám sát của HĐND huyện.

3. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện: Tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, thực hiện các biện pháp nâng cao sức khỏe, phòng ngừa dịch bệnh, tham gia xã hội hóa lĩnh vực y tế.

4. Các chi, đảng bộ cơ sở: Căn cứ Đề án của Huyện ủy, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm của ngành, địa phương, đơn vị.

5. Các cơ quan tham mưu giúp việc Huyện ủy: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tham mưu cho Ban thường vụ Huyện ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện đề án.

6. Chế độ thông tin, báo cáo: Định kỳ 6 tháng, hằng năm cơ quan chủ trì xây dựng đề án báo cáo kết quả thực hiện về Huyện ủy, UBND huyện để tổng hợp báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và Tỉnh ủy. Kết thúc nhiệm kỳ tổng kết thực hiện Đề án./.

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy Lào Cai (b/c),
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Ủy ban nhân dân huyện,
- Hội đồng nhân dân huyện,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy,
- UB MTTQ và các đoàn thể CT-XH huyện,
- Các chi, đảng bộ cơ sở,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ**



Trần Minh Sáng

PHỤ LỤC 1

Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2025

(Kèm theo Đề án số 05-ĐA/HU ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Huyện ủy)

I. Dự kiến nhu cầu kinh phí đầu tư cho lĩnh vực giáo dục

1. Tổng nhu cầu vốn: 676.765 triệu đồng (Sáu trăm bảy mươi sáu tỉ bảy trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Trong đó:

- Kinh phí xây dựng cơ sở vật chất đạt chuẩn: **565.265 triệu đồng**
- Kinh phí xây dựng trường trung tâm chất lượng cao: **21.500 triệu đồng**
- Kinh phí đầu tư xây dựng trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT huyện: **90.000 triệu đồng**

2. Dự kiến nguồn kinh phí

- Ngân sách Tỉnh đầu tư: **447.000 triệu đồng**
- Ngân sách huyện: **188.755 triệu đồng**
- Ngân sách xã hội hóa: **41.010 triệu đồng**

3. Phân kỳ đầu tư hàng năm (triệu đồng)

3.1. Kinh phí xây dựng cơ sở vật chất đạt chuẩn (theo Thông tư 13/2020/TT-BGD&ĐT quy định về Ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư 14/2020/TT-BGD&ĐT quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông)

Chia vốn Năm	Tổng (triệu đồng)	Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	XHH (triệu đồng)
2021	131.375	97.300	26.395	7.680
2022	84.220	60.900	14.900	8.420
2023	96.190	53.900	34.660	7.630
2024	124.220	60.200	55.550	8.470
2025	129.260	67.900	53.100	8.260
Tổng	565.265	340.200	184.605	40.460

3.2. Kinh phí xây dựng trường trọng điểm chất lượng

Chia vốn Năm	Tổng (triệu đồng)	Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	XHH (triệu đồng)
Từ 2021-2025	21.500	16.800	4.150	550

3.3. Kinh phí đầu tư xây dựng trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT huyện

Chia vốn Năm	Tổng (triệu đồng)	Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	XHH (triệu đồng)
Từ 2021-2023	90.000	90.000	0	0

II. Dự kiến nhu cầu kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học - công nghệ

1. Tổng nhu cầu vốn

Kinh phí đầu tư ứng dụng Khoa học và Công nghệ trên địa bàn huyện giai đoạn 2020 - 2025: **5.000 triệu đồng** (năm tỉ đồng chẵn), cụ thể:

- Kinh phí xây dựng mô hình thử nghiệm giống mới, cụ thể:
 - + Nông nghiệp: 500 triệu đồng;
 - + Lâm nghiệp: 200 triệu đồng;
 - + Thủy sản: 300 triệu đồng;
 - + Rau hoa: 250 triệu đồng.
- Kinh phí đầu tư ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất:
 - + Nông, lâm nghiệp: 700 triệu đồng;
 - + Năng lượng: 550 triệu đồng.
- Kinh phí ứng dụng khoa học và công nghệ vào quản lý, điều hành dịch vụ công:
 - + Xây dựng trung tâm điều hành Dịch vụ công: 1.000 triệu đồng;
 - + Tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ: 250 triệu đồng.
- Kinh phí đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển thương mại - dịch vụ:
 - + Xây dựng cổng thương mại - dịch vụ trực tuyến: 925 triệu đồng;
 - + Xây dựng hệ thống quản lý, nguồn nhân lực: 300 triệu đồng.

2. Dự kiến nguồn kinh phí

Ngân sách Tỉnh đầu tư là: **500 triệu đồng**

Ngân sách huyện: **500 triệu đồng**

Ngân sách xã hội hóa: **4.000 triệu đồng**

3. Phân kỳ đầu tư hàng năm (triệu đồng)

Chia vốn Năm	Tổng (triệu đồng)	Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	XHH (triệu đồng)
2021	1.000	100	100	800
2022	1.000	100	100	800
2023	1.000	100	100	800
2024	1.000	100	100	800
2025	1.000	100	100	800
Tổng số	5.000	500	500	4.000

PHỤ BIỂU 2

MỤC TIÊU ĐỀ ÁN ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TOÀN DIỆN ĐIỆN GIÁO DỤC - KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, GIAI ĐOẠN 2020-2025

(Kèm theo Đề án số 05-ĐA/HU ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Huyện ủy Bảo Thắng)

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Mục tiêu Đại hội	Mục tiêu kế hoạch	Phân kỳ thực hiện					So với mục tiêu Đại hội (%)	So với mục tiêu kế hoạch (%)	Ghi chú
					Đến 2021	Đến 2022	Đến 2023	Đến 2024	Đến 2025			
1	Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ trung học phổ thông và tương đương	%	82	82	70	73	76	79	82	100	100	
2	Xây dựng trường chuẩn quốc gia	%	85	85	76,7	81,7	83,1	84,5	85,9	101	101	Theo tiêu chí hiện tại
3	Tỷ lệ huy động trẻ từ 1 đến 3 tuổi ra lớp hằng năm	%		31	23,5	25	27	29	31		100	
4	Xây dựng cụm trường trong điểm cấp huyện	Trường		3	0	0	0	2	3		100	
5	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS học lên THPT và tương đương	%		90	87	88	89	89,5	90		100	
6	Sử dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp	%		85	60	70	75	80	85		100	
7	Ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống	%		45	25	30	35	45	45		100	